

## PHÊ BÌNH VÀ TIỂU LUẬN CỦA HUY CẬN

BIỆN THỊ QUỲNH NGA\*

**Tóm tắt:** Phê bình, tiểu luận của Huy Cận bao quát khá nhiều vấn đề về văn học nghệ thuật, về văn hóa, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế. Tất cả đều hàm chứa những thông điệp có ý nghĩa về nhiều mặt, có sức sống bền vững. Bài viết đi sâu nghiên cứu, luận giải những đặc sắc về phê bình, tiểu luận của Huy Cận, nhằm góp phần định vị một cách chính xác, trọn vẹn hơn về tầm vóc một nhà thơ, một nhà văn hóa lớn của dân tộc.

**Từ khóa:** Huy Cận, phê bình, tiểu luận, nhà thơ, nhà văn hóa,...

**Abstract:** Huy Can's critiques and essays cover many issues of literature, arts and culture, tradition and modernity, ethnicity and internationality. All of them contain meaningful and sustainable messages from many perspectives. The article is an in-depth study, which interprets the features of Huy Can's critiques and essays. This aims to contribute to a more accurate and comprehensive appreciation of the stature of the great national poet as well as humanist Huy Can.

**Key words:** Huy Can, critiques, essays, poet, humanist.

Huy Cận (1919-2005) - nhà thơ lớn của dân tộc. Ngoài thơ, ông còn có văn xuôi, và viết tiểu luận, phê bình. Phê bình và tiểu luận của Huy Cận tuy không nhiều, nhưng cho thấy một lối viết phê bình dung dị nhưng đậm sâu với những ý tưởng độc đáo, vừa chú ý tường tận những yếu tố “vĩ mô” vừa quan sát kỹ lưỡng, suy ngẫm thấu đáo những vấn đề mang tính “vĩ mô”...

Huy Cận viết phê bình từ trước Cách mạng, 1945. Với bút danh Hán Quỳnh, ông gây chú ý bởi một số bài bình luận văn học đăng ở các báo *Tràng An*, *Sông Hương*. Sau này, tiểu luận và phê bình của Huy Cận, phần lớn được tập hợp trong một số tập tiêu biểu: *Suy nghĩ về nghệ thuật* (1980-1982), *Suy nghĩ về bản sắc dân tộc* (1994), *Các vùng văn hóa Việt Nam* (1995), *Nhìn lại*

*một cuộc cách mạng trong thi ca: 60 năm phong trào Thơ mới* (viết chung với Hà Minh Đức, 1993),... Ngoài ra, còn có một số nhận định đáng chú ý về Thơ mới và một số nhà thơ mới của Huy Cận được tập hợp trong cuốn *Thơ mới, những chuyện chưa bao giờ cũ (Người đương thời Thơ mới bàn về tác gia Thơ mới)* (Nguyễn Hữu Sơn, 2017). Quan sát các bài phê bình, tiểu luận của Huy Cận, có thể thấy, diện bao quát của ông khá rộng, từ các vấn đề then chốt về văn hóa đến những vấn đề lớn, nhỏ của văn chương nghệ thuật. Tất cả đó đều hàm chứa những thông điệp theo như cách nói của ông là “từ vầng sao và từ mặt đất”, có ý nghĩa và vẫn có sức sống cho đến hôm nay.

Huy Cận nổi tiếng trước hết là một tài thơ (nhà thơ xuất sắc hàng đầu của phong trào Thơ mới 1932-1945; một trong

\* TS. Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh.

những gương mặt tiêu biểu của nền thơ ca cách mạng sau 1945). Trong tư cách này, hiển nhiên, ông đặt nặng sự quan tâm đến văn chương nghệ thuật. Không ít những vấn đề mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn cấp thiết của văn học nghệ thuật, đặc biệt là thơ ca, đã được Huy Cận nghiên ngẫm, phân tích, luận bàn, gợi mở hướng tiếp cận quý giá. Với ông, vai trò quan trọng của lao động nghệ thuật là điều đúng cho muôn đời, và đó là một loại hình lao động đặc thù: “Nếu lao động sáng tạo ra con người thì lao động nghệ thuật sáng tạo ra con người nghệ sĩ” [2, tr.234]. Khác các loại hình lao động khác, lao động nghệ thuật gắn liền với năng khiếu, cảm xúc, khả năng tưởng tượng, cảm quan thẩm mỹ của người nghệ sĩ. Thành phẩm làm ra phải đánh thức được những rung cảm đẹp đẽ và nhân văn ở con người. Tạo ra được thành phẩm ấy là cả một quá trình khổ luyện: “Lúc anh ngồi vào bàn hay vào xưởng, anh chỉ mới có cái khung, chỉ mới có một niềm xúc động. Nhưng anh còn phải lao động đổ mồ hôi để cụ thể hóa niềm cảm xúc ấy, để cho niềm cảm xúc ấy đầu thai vào những hình tượng, thành những hình tượng. Anh còn phải vật lộn trầy xương với cái hình thức của chữ, của vật liệu, của đường nét, của màu sắc, của âm thanh, làm cho cái vật chất ấy chịu nói cái tâm hồn mà anh cảm thấy đang hình thành, mà không có vật chất ấy thì cái tâm hồn kia cũng không hình thành được. Rất nhiều khi đó là quá trình vật lộn gay go, đổ mồ hôi, sôi nước mắt, nhưng phần thưởng lại vì thế mà cao hơn, sức sáng tạo tâm hồn lại mạnh hơn” [2, tr.235]. Theo ông, sáng tác không phải là hành động tạo tác sản phẩm theo khuôn mẫu có sẵn, mà là hành động sáng tạo; nghệ phẩm là một tổng thể quán bện giữa hình thức và nội dung, giữa phần “xác” và “hồn”. “Xác” và

“hồn” của một tác phẩm cùng song đôi, trưởng thành, ảnh hưởng qua lại, không phải là hồn đã lớn sẵn từ đầu và trơ trơ trong khi nghệ sĩ làm xác. Một cảm nghĩ ban đầu mơ hồ được nảy ra, hiện hình thành những câu thơ rất đỗi vu vơ, qua quá trình chọn lọc, đúc chữ đầy vất vả, những cảm nghĩ đầu tiên dần thành hình hài, làm nên cái hồn bài thơ. Bởi vậy, có kinh qua lao động nghệ thuật mới có người nghệ sĩ. Và không thể có người nghệ sĩ nếu anh ta lười sáng tác, bỏ quên sáng tạo.

Phát triển ý của Karl Marx: “Nghệ thuật là niềm vui lớn nhất”, Huy Cận đề cập đến vấn đề lí luận muôn thuở: vai trò, ý nghĩa, chức năng của nghệ thuật. Theo ông, nghệ thuật vốn thoát thai từ cuộc sống con người, gắn với vận mệnh của tập thể loài người, nhờ sức mạnh đồng cảm tiềm tàng, nghệ thuật đã làm giàu con người... [2, tr.236 - 238]. Dĩ nhiên, Huy Cận ý thức rất rõ: tính chủ quan, cá thể luôn là phẩm tính cơ bản của nghệ thuật, khác với các hình thái ý thức khác; xuất phát điểm làm nên một tác phẩm nghệ thuật là những ấn tượng, rung cảm cá nhân, sáng tạo nghệ thuật luôn mang dấu ấn cá tính của người nghệ sĩ. Nhưng để viết được tác phẩm chân chính, mang tầm nhân loại, tác phẩm đó phải vươn đến được những trạng huống tinh thần nhân bản, động chạm tới những vấn đề cốt thiết của sự sống, khơi dậy những miền sâu trong cảm thức đồng loại, nhóm dậy niềm đồng cảm của cộng đồng, có khi không chỉ trong một dân tộc, hay một thời đại. Rõ ràng, ở đây, Huy Cận đã nhìn thấu mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và tập thể, giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, cái nhất thời và cái vĩnh cửu trong lao động sáng tạo nghệ thuật.

Huy Cận một mặt rất truyền thống, mặt khác rất hiện đại khi xác định văn chương là tiếng nói của con người, này

sinh ra giữa xã hội loài người; “tiếng nói ấy là để gọi nhau, gọi đàn, để tập hợp lực lượng, nhất là những khi phải vượt qua gió bão”. Nhưng không phải loại văn chương nào cũng có khả năng gọi đàn: “Phải là tiếng chim, tiếng hay như thế nào thì mới gọi đàn được. Và phải nhận thức ra điều gì mới cần gọi đàn, mới có thể gọi đàn” [2, tr.239 - 240]. Xem ra, Huy Cận đã đặt ra những yêu cầu rất cao đối với tác phẩm văn chương. Một tác phẩm văn chương có khả năng gọi đàn, tác phẩm đó phải đạt tới những phẩm tính nghệ thuật nhất định, phải đưa lại cho con người những tư tưởng sâu sắc, mới mẻ về đời sống, phải kích hoạt ở cộng đồng ý thức và hành động có ý nghĩa, thậm chí mang tính “cách mệnh” đối với thời đại... Từ xưa, cha ông ta không hề xem văn chương là một câu chuyện phù phiếm, “mua vui”. Văn chương với các cụ là câu chuyện nghiêm túc, một phép xử thế. Không ngẫu nhiên khi các nhà yêu nước, cách mạng đều xem trọng sức mạnh của văn chương, nhất là những lúc cần kíp... Tôn trọng lí luận truyền thống, nhưng Huy Cận cũng rất dứt khoát trong chống lại lối tư duy máy móc của lí luận truyền thống. Theo ông, cần phải nhận thức lại về chức năng của văn chương nghệ thuật; không thể tách bạch một cách máy móc chức năng giáo dục, chức năng thẩm mỹ, khả năng cảm hóa của nghệ thuật, của văn chương. Chúng là một tổng thể quán bện trong một chỉnh thể thống nhất không thể tách rời. Huy Cận cũng tìm về cội nguồn, gốc gác của nghệ thuật: “trong nguồn gốc và trong bản chất, nghệ thuật là một hoạt động tập thể” [2, tr.240]. Là hình thái văn nghệ ra đời sớm nhất của mọi dân tộc; là sản phẩm của tập thể nhân dân lao động, nên theo theo Huy Cận, văn nghệ dân gian trở thành “văn nghệ mẹ”, “lột ổ” cho nền văn nghệ dân tộc; văn nghệ dân gian vừa

là “vườn ươm”, vừa là “vườn hoa trái”; là kết tinh mỹ cảm của quần chúng lao động, tạo thành một loại hình nghệ thuật độc đáo, làm giàu bản sắc cho văn nghệ dân tộc. Cũng vì thế, văn nghệ dân gian trở thành một kho chất liệu, nguồn cảm xúc, vốn hình tượng và cả kinh nghiệm sáng tạo hình tượng... dồi dào cho nghệ sĩ muôn đời sau học hỏi [2, tr.271].

Sau hơn nửa thế kỷ sáng tạo, Huy Cận đúc rút các quan niệm về thơ. Theo ông, thơ hoàn toàn không tĩnh, thơ gắn với sự vận động của tâm hồn, “là một sự phấn khởi của tâm hồn, tâm hồn phấn khởi là một tâm hồn đang vận động” [2, tr.259]. Khởi phát từ những xúc động nội tâm mạnh mẽ, người nghệ sĩ phải trải qua nhiều dẫn vật, suy tư để nuôi chín cảm xúc, đồng thời phải tìm tòi thi liệu, mài dũa ngôn từ, hình ảnh... để hình tượng hóa diễn trình cảm xúc ấy. Quá trình trần trở đó chính là sự vận động nội tại của thơ. Phẩm tính của thơ là trữ tình. Thơ lãng mạn càng ưu tiên sự biểu lộ cảm xúc trực tiếp. Là một đại biểu lớn của thơ lãng mạn, Huy Cận dĩ nhiên nắm rõ nguyên tắc đề cao cảm xúc trong thơ. Tuy nhiên, nguyên tắc mỹ học, ấy qua phát biểu của Huy Cận, trở nên thấu đáo hơn: “Rung động làm ra thơ, làm ra nghệ thuật”; nhưng rung động thơ, phải đến từ hai nguồn: rung động từ phía người nghệ sĩ và rung động từ phía người thưởng thức. Rung động từ phía người nghệ sĩ là nguồn khởi phát của thơ, sẽ giúp thơ thành hình hài: “Bắt đầu của một tứ thơ là một nỗi niềm mà tôi muốn gọi đó là nỗi niềm tình vân. Bắt đầu chưa có câu, chưa có lời, thậm chí chưa có từ cụ thể. Câu sẽ đến sau, lời sẽ đến sau. Nhưng trước hết là một nỗi niềm ùn ùn giữa ngực, rạc rục tâm hồn...” [2, tr.242]. Nỗi niềm tình vân – thứ “tình vân nguyên thủy” được chung cất, kết tinh từ quá trình trải nghiệm cá nhân, tích lũy

cuộc sống. Tích lũy càng giàu, càng nặng thì “nỗi niềm tinh vân” càng phong phú, càng thiên biến vạn hóa, và xúc động thơ, xúc động nghệ thuật càng muôn vẻ muôn màu, bồi hồi sự sống. Tình cảm trong thơ, vì thế, vừa sôi nổi, mạnh mẽ, lại vừa sâu lắng đến tận cùng. Thơ ca sinh ra từ tâm hồn người nghệ sĩ, và trở lại làm cho con người ngạc nhiên vì khả năng đánh thức rung động lòng người của nó. Muốn thấu hết những “nỗi niềm tinh vân” sâu lắng trong thơ, đòi hỏi người thưởng thức phải có độ “tinh anh”. Mà những cái tinh anh ấy chỉ có thể tích lũy được từ vốn sống, tri thức, văn hóa, thời đại... “Thưởng thức thơ là phải biết sống lại... quá trình từ nỗi - niềm - tinh - vân đọng lại dần thành từng ý, từng lời, từng câu, từng chữ” [2, tr.242]. Tất nhiên, người ta có thể thưởng hoa mà không cần biết quá trình nở hoa, cũng như có thể thưởng thơ mà không cần quan tâm quá trình tạo tác một bài thơ. Thi sĩ cũng khó thực sự sống lại được cái quá trình sáng tạo một bài thơ nào đó của mình, hướng hồ là độc giả. Nhưng điều quan trọng ở đây là, từ những yêu cầu rất cao đối với người thưởng thức, Huy Cận nhận thức và đánh giá cao vai trò tiếp nhận của độc giả. Trình độ, mỹ cảm của độc giả càng cao, nên thơ dân tộc ngày càng có cơ hội phát triển.

Thơ được hình thành nhờ mỗi rung cảm đẹp đẽ, nhân văn của nhà thơ trước cuộc sống. Nhờ những rung cảm đó, thơ đánh thức ở công chúng tiềm năng cảm nhận sự phi lý và lẽ công bằng, cảm nhận nỗi đau và niềm vui của đồng loại, cảm nhận cái đẹp cùng cái quái dị của cuộc sống. Thơ khơi dậy lòng yêu thương, những ý nghĩ độ lượng, những nhận thức đúng đắn, lòng đồng cảm và ý thức trách nhiệm của con người với đồng loại. Qua thơ, tâm hồn con người sẽ được thanh lọc,

trong sáng và cao thượng hơn. Đó là tác dụng di dưỡng tinh thần của thơ ca nói riêng, văn chương nghệ thuật nói chung. Huy Cận phân tích thêm: làm thơ là “một trạng thái tâm thần, hơn nữa một trạng thái tâm thần và cơ thể cởi mở, thư thái mà sôi nổi, hào hứng mà lắng trong, một trạng thái toàn diện trong đó ý và tình đều như đang sinh ra, đang nhú lên, tình đang động thành ý, ý còn mang tất cả các rung động của tình, một trạng thái tinh khôi, sáng tạo. Tâm thần được nuôi dưỡng nhiều bằng những trạng thái ấy. Đúng là một chất di dưỡng cho tâm hồn” [2, tr.257]. Được trải nghiệm “trạng thái tâm thần” ấy là cái thú của người làm thơ. Cảm nhận được những “ý tình đọng lại” là cái thú của người thưởng thơ. Quá trình thú vị ấy nuôi lớn những cảm nghiệm sâu sắc của người sáng tạo cũng như người tiếp nhận. Bằng phát hiện tinh tế về vai trò “di dưỡng tinh thần” của thơ ca, Huy Cận đã đưa thơ ca về đúng tinh thần cốt tủy của nó: thơ ca, nghệ thuật trước hết và trên hết gắn liền với mỹ cảm cá nhân. Huy Cận còn đề cập đến một số nguyên tắc làm thơ và đặc điểm thi pháp thơ. Với Huy Cận, mỗi một bài thơ là một sinh thể nghệ thuật, “một cơ thể sống”, trong đó hình thức và nội dung phải hòa quyện nhuần nhuyễn như hình hài và máu thịt, “ý và tình, cảm giác và cảm tưởng, chữ và nhịp, hình tượng và nhạc điệu, tất cả đều tồn tại trong một thể thống nhất gây thành một xúc động thống nhất, toàn diện”; “Nội dung quyết định hình thức, có nghĩa là phải tìm cho ra hình thức đích đáng để cho nội dung đầu thai thành máu thịt của tác phẩm, chứ không có nghĩa xem nhẹ sự sáng tạo hình thức. Không có hình thức đẹp thì lấy đâu ra chỗ cho nội dung đẹp tồn tại” [2, tr.245 – 246].

Huy Cận còn cho rằng không phải tứ thơ nào cũng có thể khuôn vào bất cứ

hình thức thể loại nào. “Sự đầu thai của một tứ thơ vào một thể loại thơ” là cả một quá trình lao động miệt mài và đòi hỏi ý thức sáng tạo cao ở người nghệ sĩ: “Có những bài thơ viết ra không đạt được cái tứ thơ, ngôn từ chưa tìm ra chính xác, sự xúc động mới không dễ dàng khuôn vào những chữ, những lời có sẵn. Ngược lại, có những bài thơ viết xong hay hơn tứ thơ, ý thơ nguyên thủy. Bởi vì tứ thơ chỉ là một nỗi niềm bàng bạc; trong quá trình tìm vắn, lựa chữ, tìm hình tượng cho tứ thơ đầu thai, ta mới sáng tạo thêm, mới làm giàu cái ý tứ ban đầu” [2, tr.251]. Sáng tác nghệ thuật, do đó, vừa chủ động lại vừa bị động. Nếu người nghệ sĩ phát huy được sự chủ động trong sự bị động ấy là họ đã đạt đến sáng tạo. Tóm lại, bằng những luận giải về các mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, tứ thơ và hình thức thể loại, sự chủ động và bị động trong sáng tác thơ ca, Huy Cận yêu cầu người nghệ sĩ phải nắm vững “phép biện chứng của sự sáng tạo”.

Bàn về mối quan hệ giữa thơ ca và cuộc sống, Huy Cận cho rằng sự sống là khí hậu của tâm hồn người nghệ sĩ. Một nhà tư tưởng, một người nghệ sĩ không thể sáng tác nếu anh ta sống trong yên lặng, rời xa quần chúng, tách rời cộng đồng. Nhưng người nghệ sĩ cũng phải biết tạo cho mình sự yên lặng, thư thái giữa cái ồn ào và bận rộn của cuộc đời hàng ngày để lắng nghe những nhịp đập sâu thẳm của cuộc đời, thai nghén những chất sống mới, cảm xúc mới. Đó là “sự yên lặng cần thiết để sản sinh những hòa âm mới”. Nhưng sự sống đâu chỉ có giữa cuộc đời, giữa xã hội; sự sống còn bật ra từ tự nhiên, vũ trụ; “Thơ văn không chỉ giáo dục con người biết đấu tranh để cải tạo xã hội, thơ văn còn phải giáo dục con người hiểu biết vũ trụ, yêu thiên nhiên”. Từ ý thức về mối liên quan gắn kết giữa con người và tự nhiên, vũ trụ;

vai trò quan trọng của văn chương với môi trường sinh thái, Huy Cận đề xuất: người nghệ sĩ “cần có và nên có cảm xúc vũ trụ” [2, tr.260 – 261]. Cảm thông với vũ trụ trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo xuyên suốt thơ Huy Cận. Mối tương liên mật thiết giữa con người và thiên nhiên, vũ trụ cũng là cơ sở để Huy Cận phát hiện tính độc đáo của *hình tượng, so sánh, ẩn dụ* ở trong thơ. So sánh, ẩn dụ trong thơ thực chất là *nhân cách hóa thiên nhiên* hoặc *thiên nhiên hóa con người*. Theo Huy Cận, “con người có thể đo bằng kích thước vũ trụ” và “vũ trụ có thể thu góp lại trong kích thước của con người”; “Vũ trụ, thiên nhiên là cái kho hình ảnh vô tận giúp ta xây dựng vô vàn hình tượng để phản ánh con người, và con người cũng là cái kho vô tận của trạng thái, hình ảnh để nói được muôn hình, muôn vẻ của thiên nhiên, tạo vật” [2, tr.265 – 266]. Muốn tạo được hình tượng, so sánh, ẩn dụ hay, người nghệ sĩ không chỉ sống sâu sắc cuộc sống xã hội, mà còn phải sống sâu sắc trong mối quan hệ với thiên nhiên.

Về một số tác gia - tác phẩm thơ ca, với từng hiện tượng, Huy Cận đều nỗ lực truy tìm đặc thù, nhận diện tính mới, nét độc đáo của đối tượng. Đối với thơ cổ điển Việt Nam, Huy Cận dành sự quan tâm đặc biệt đến Nguyễn Du - hồn thơ ám ảnh ông từ lúc còn thơ bé qua những câu Kiều sâu thẳm. Huy Cận nêu bật giá trị cốt lõi trong sáng tác của Nguyễn Du là vấn đề thân phận con người: “Giữa cái xã hội phong kiến bế tắc, Nguyễn Du đã đặt vấn đề thân phận con người một cách da diết, sâu thẳm vào trung tâm tác phẩm, vào trung tâm của sự suy nghĩ, cảm xúc của mình” [2, tr.232]. Nắm vững quan điểm lịch sử cụ thể, Huy Cận bao quát và phân tích khá tường tận một số hiện tượng thơ ca dân tộc và nhân loại (các truyện thơ Nôm, thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Đỗ Phủ,...). Ông chỉ ra

mối tương quan gần gũi giữa Nguyễn Du và Đỗ Phủ ở “tâm lòng ưu ái đối với con người”, nhất là những con người cụ thể, đói rách, tủi nhục, cay đắng, dưới chế độ phong kiến hà khắc. Huy Cận không chỉ nhận thấy những tương đồng và khác biệt giữa Nguyễn Du và Đỗ Phủ, mà còn nhận thấy những tương đồng và khác biệt giữa Nguyễn Du với văn học phương Tây: “Tôi cảm thấy một “tính bà con” - không gần thì xa - giữa Nguyễn Du và những nhà thơ tiêu biểu của nền văn học nhân đạo chủ nghĩa phương Tây, với cách xúc động gần như hiện đại về vấn đề hạnh phúc, về thân phận con người” [2, tr.231 – 232]. Huy Cận cắt nghĩa nguyên nhân: “Xã hội Việt Nam thời đại Nguyễn Du đã mang yếu tố tiền tư bản chủ nghĩa... Những yếu tố ấy thôi thúc, bức bách, làm nứt rạn chân trời phong kiến về những giá trị, về những tiêu chuẩn cuộc sống. Chưa có chủ nghĩa cá nhân theo nhân sinh quan tư sản, nhưng con người với tư cách là đơn vị cá nhân rõ ràng là đang ngoi lên giành quyền sống. Hoàn cảnh lịch sử Việt Nam lúc đó không mở ra được một thời kỳ phục hưng, không đặt vị trí con người ở thế hào hùng vươn lên chinh phục thế giới. Nhưng những đòi hỏi của con người cận đại vẫn bức bách. Hoàn cảnh lịch sử xã hội Việt Nam lúc bấy giờ đặt Nguyễn Du vào thế ngậm ngùi da diết nhưng sự phản kháng của con người đòi quyền sống đầy sức mạnh ấy được thể hiện trong *Truyện Kiều* và thơ Nguyễn Du là ở đó” [2, tr.233]. Rõ ràng, những yếu tố văn hóa, xã hội, thẩm mỹ đặc biệt của thời đại đã kết tụ trong cảm quan thẩm mỹ Nguyễn Du, tạo nên một sự kết hợp độc đáo: vừa xưa vừa mới, vừa cổ điển vừa hiện đại, vừa hiện thực vừa lãng mạn. Đó là phát hiện hết sức thú vị của Huy Cận - một tâm hồn rất thấu hiểu và trân trọng những giá trị văn học quá khứ.

Đối với thơ hiện đại, Huy Cận không thể bỏ qua *Thơ mới* - nơi những tài thơ như ông và bạn ông - Xuân Diệu,... đã tự khẳng định mình. Trong khi các nhà phê bình thường chú tâm đến tính chất rạo rực, rạo riết, nồng say của tình yêu – “phần nổi” trong thơ Xuân Diệu, thì Huy Cận lặng lẽ suy ngẫm về cái mạch đời ngầm chảy trong dòng thơ tình ấy, và có những nhận xét xác đáng: “Thơ Xuân Diệu ngầm kể là bài ca sự sống”; “Vườn hồng”, “vườn mơn trớn”, “vườn yêu” trong thơ Xuân Diệu cũng chính là “vườn đời” [2, tr.273]. Dòng mạch cảm xúc khát khao giao cảm với đời này chi phối toàn bộ sáng tác, làm thành phong cách thống nhất, độc đáo của Xuân Diệu, không chỉ trước mà cả sau cách mạng, không chỉ ở thơ mà cả ở văn xuôi. Theo Huy Cận, tập truyện *Phấn thông vàng* là “một sự lan tỏa tâm hồn, một nỗi niềm ôm ấp, một ngọn triều yêu thương vỗ mãi vào bờ đời”, “một tuyên ngôn về tình yêu, cũng là tuyên ngôn về cuộc sống vốn chứa rất nhiều độ lượng” [2, tr.276]. Dù phê bình thơ cổ điển hay hiện đại, lãng mạn hay hiện thực, Huy Cận đều luôn cố gắng kiếm tìm những giá trị nhân bản. Ngay cả khi đánh giá những nhà thơ lãng mạn “thoát ly” như Thế Lữ, Huy Thông, Nguyễn Nhược Pháp; Huy Cận cũng ao ước: “ngoài những giờ mơ màng, đắm say trong giấc mộng, các thi sĩ nên nhìn những cảnh đời xung quanh mình mà ca lên... những bài ca nói đến người nghèo, đứa con ghè xã hội. Một thi sĩ có chân tài thì dù trong giấc mộng đẹp đẽ hay trước một cảnh thực tế thảm khốc, dơ dáy, cũng tìm được những vần hay, ý mới. Cuộc đời hàng ngày là một kho tài liệu cho thi ca, cho thi ca lãng mạn” [1]. Từ những cảm nghiệm sâu sắc đó, Huy Cận đặt ra tiêu chí nhận diện một tác phẩm chân chính: “có chứa đựng chủ nghĩa nhân

bản hay không, đến mức độ nào?"... Là người nghệ sĩ lớn, Huy Cận nhận chân sâu sắc vai trò của tư tưởng, quan niệm trong lao động văn chương. Dành phần lớn các bài tiểu luận, phê bình cho văn học, nghệ thuật, Huy Cận đã bày tỏ trực tiếp một hệ thống quan điểm nghệ thuật tiên bộ, tích cực, mang tính biện chứng. Hệ thống quan điểm ấy được thể hiện thành những nguyên tắc thường trực và nhất quán trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của Huy Cận.

Trong tư cách là một nhà văn hóa, Huy Cận nhận thức rõ tầm quan trọng cốt yếu và sức sống phi thường của văn hóa dân tộc. Ông hoàn toàn có cơ sở khi xác định rằng: "Ngay trước khi khái niệm "bản sắc văn hóa" được đưa ra, "nhân dân Việt Nam đã sống với bản sắc văn hóa sâu sắc của mình từ nhiều thế kỷ, và chính bản sắc văn hóa độc đáo, lâu bền này đã bảo vệ sự tồn tại của dân tộc Việt Nam qua những biến cố lịch sử"; "Văn hóa trước hết là vấn đề về ý thức, ý thức dân tộc hoặc ý thức cá nhân của mỗi công dân" [2, tr.216 – 217]. Thực tiễn lịch sử cho thấy, các nhà yêu nước Việt Nam, từ Nguyễn Trãi đến Phan Bội Châu, đều gặp nhau ở tư tưởng lớn, dùng bản sắc văn hóa để thức tỉnh đồng bào, khơi dậy sức mạnh tập trung giải phóng dân tộc. Nhưng mặt khác, Huy Cận cũng rất sắc sảo khi nhận thấy "bản sắc văn hóa" không phải là một "khối nhất thành bất biến" mà luôn có sự vận động, tự sáng tạo không ngừng để phát triển và sống mãi, đồng thời chào đón và thu nạp những nét độc đáo của tinh hoa văn hóa nhân loại: "Bản sắc không thể được xem như một tập hợp những đặc trưng đã được xếp đặt cố định"; "Bản sắc văn hóa không ngừng phong phú thêm với những sáng tạo mới của dân tộc trong tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức, nghệ thuật và xã hội" [4, tr.217-218]. Chính vì

thế, bản sắc không hề ngược lại hoặc đối lập với tính hiện đại. Tuy nhiên, đặt trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa của thế giới, Huy Cận nhìn thấu mỗi nguy cơ văn hóa mà những nước vừa giành độc lập, những nước đang phát triển như Việt Nam đang phải đối mặt: "sự đồng nhất hóa, hay đồng thể hóa". Huy Cận lí giải: "sự đồng nhất hóa (hay sự đồng thể hóa) không phải do sự hội tụ các giá trị khác nhau của nền văn minh mà là do tính trội hơn của một số cực truyền đi những kiến thức, những cách thức làm việc thành thạo phù hợp với những nước phát triển nhất" [2, tr. 218]. Cảnh báo các nguy cơ về văn hóa, Huy Cận chỉ rõ trách nhiệm bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ là nhiệm vụ cấp bách của riêng quần chúng mà phải trở thành "chính sách của nhà nước". Vậy phải làm gì để củng cố bản sắc văn hóa dân tộc? Từ nhận thức về tính bất biến và khả biến, truyền thống và hiện đại của "bản sắc văn hóa", chính sách văn hóa của nhà nước ta, theo Huy Cận, "không bao giờ là một chính sách đóng cửa"; cần "tăng cường và có mối quan hệ văn hóa với các dân tộc khác trên thế". Huy Cận đề xuất 7 việc phải làm: 1. Thực hiện chính sách "phi thực dân hóa"; 2. Đính chính lịch sử dân tộc; 3. Phục hưng những giá trị chân chính xa xưa của dân tộc; 4. Lập ra các viện nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật và văn học; 5. Thành lập hội văn nghệ dân gian, Hội bảo vệ và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; 6. Truyền lại di sản văn hóa các dân tộc cho thế hệ trẻ; 7. Giảng dạy cho học sinh học tập về di sản văn hóa các dân tộc [2, tr.219 – 221]. Trong tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 của Đảng, tháng 12.1986, Huy Cận đã có những phân tích cụ thể hơn. Để xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới đậm đà bản sắc dân tộc, Huy Cận chỉ rõ: có "4 nguồn phải

uống”: 1. Chủ nghĩa Mác Lenin, nguồn bao quát và có tính định hướng; 2. Vốn văn hóa văn nghệ tốt đẹp của cha ông đã quy tụ trong bản sắc văn hóa dân tộc nghìn đời (đây là nguồn nền tảng); 3. Tinh hoa văn hóa văn nghệ thế giới, vì chúng ta là thành viên tích cực và năng động của cộng đồng nhân loại; 4. Vốn sống hút từ cuộc sống cách mạng của nhân dân ta ngày nay (đây là nhân tố quyết định của nền văn hóa, văn nghệ mới). Huy Cận cũng thẳng thắn vạch ra những yếu kém của dân tộc ta: vốn văn hóa dân tộc chưa thật thâm sâu; tâm lí tự ti của một nước nhược tiểu; chưa làm tốt công tác truyền thông; còn né tránh giáo dục bản năng; v.v... Huy Cận dành nhiều trang nhấn mạnh về vấn đề giáo dục bản năng trong xây dựng con người mới. Đặt trong bối cảnh những thập niên 80, 90 của thế kỷ trước, phản ứng lại lối tư duy bảo thủ đã trở thành định kiến trong một thời kỳ dài của dân tộc, Huy Cận đặt ra những vấn đề hết sức mới mẻ: cần phải quan tâm đến giáo dục bản năng cho thanh niên như một môn khoa học thực sự, bởi “bản năng là một dự trữ lớn về sức sống mọi mặt của con người” (bản năng sinh tồn, bản năng tự vệ, bản năng xã hội, bản năng nối dòng nối dõi, kể cả năng khiếu thẩm mỹ vừa thuộc trí tuệ lại vừa thuộc bản năng); “Con người mới cần có trí tuệ và bản lĩnh”; “Bản năng là hậu phương của trí tuệ”; “Cả trí tuệ, bản năng cộng lại mới làm nên bản lĩnh, bản sắc của một con người” [2, tr.223], v.v... Tóm lại, qua các bài tham luận, Huy Cận đã bày tỏ một quan điểm văn hóa tinh táo, biện chứng, hiện đại và cởi mở. Trong đó, ông đặc biệt xem trọng mối tương quan giữa dân tộc và nhân loại như là nhân tố quan trọng nhất trong cấu trúc văn hóa của mỗi quốc gia”. Trong bối cảnh thế kỷ XXI hiện nay, khi công cuộc toàn cầu hóa đang

ngày càng diễn ra một cách sâu rộng, sự du nhập tràn lan của nhiều khuynh hướng văn hóa ngoại lai phức tạp đang dần làm mai một những nền tảng truyền thống, dễ làm mất niềm tin vào những giá trị bền vững của con người,... những suy nghĩ, quan điểm văn hóa của Huy Cận vẫn có ý nghĩa và mang tính thời sự nóng hổi.

Huy Cận yêu vô cùng tiếng mẹ đẻ. Ông rất chú trọng việc làm đẹp tiếng Việt bằng thơ ca. Mỗi chữ, mỗi tiếng không chỉ mang lại cái nghĩa nguyên sơ của nó, “cái nghĩa định trong từ điển”, mà nó thấm nhuần cái sức xúc cảm của “ý thơ, hồn thơ chạy suốt cả câu thơ tạo nên”. Mà muốn tu sức được ngôn từ trong thơ thì nhà thơ phải “tu dưỡng xúc cảm trước cuộc sống, trước cuộc đời để cho máu thịt cuộc đời được nhuộm thành máu thịt của ngôn ngữ” [2, tr.259]. Hơn thế, đối với Huy Cận, ngôn ngữ tiếng Việt – tiếng mẹ đẻ, là một chất liệu quan trọng làm nên tính văn hóa, hồn dân tộc cho thơ. Bởi bản thân tiếng Việt có ẩn náu “tư tưởng triết học của cha ông”, “nhiều điều lí thú về nhân sinh quan của dân tộc từ nghìn xưa”, và chính điều đó “làm phong phú cho tâm hồn thời đại của chúng ta”. Đề xuất của Huy Cận về dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ em bằng thơ ca, văn chương là rất đáng chú ý.

Văn phê bình của Huy Cận dung dị nhưng thực sự sinh động, cô đọng, dễ thấm. Không bình tán nhiều, luôn giữ thái độ điềm tĩnh, tránh sa vào cực đoan, cùng với một kiểu tư duy vừa bao quát tổng thể lại vừa chi tiết, kỹ lưỡng; các bài phê bình, tiểu luận của Huy Cận (có khi chỉ vài ba trang hoặc một mẫu ngắn vài ba trăm từ) vẫn thức gọi những điều cơ bản, giàu ý nghĩa đối với những ai nặng lòng với văn chương, nặng tình với quê hương, đất nước. Vừa là nhà thơ, nhà



nghệ sĩ, lại vừa là nhà văn hóa, nhà chính trị, từng giữ nhiều chức vụ cao trong các tổ chức nhà nước, ở Huy Cận có sự hội tụ phẩm chất của nhiều “nhà”. Với một tầm bao quát rộng lớn, nguồn kiến văn phong phú, có sự tích hợp văn hóa Đông – Tây; với một cái nhìn tinh táo, cẩn trọng, một lối lập luận khúc chiết, “dễ nghe”, một kiểu cảm nhận và thể hiện tinh tế, nhiều trang phê bình, tiểu luận của Huy Cận đã chạm đến tận đáy những vấn đề tưởng chừng đã rất quen thuộc, đưa đến không ít những phát hiện mới mẻ, hấp dẫn, độc đáo. Đặt trong bối cảnh hôm nay, khi nền lí luận phê bình nước ta đang phát triển đa dạng, phức tạp với nhiều khuynh hướng, phương pháp, thì cách phê bình và cả những ý kiến phê bình của Huy Cận vẫn luôn có giá trị, đáng để cho ta suy ngẫm. Đặt vào thời điểm Huy Cận viết *Suy nghĩ về nghệ thuật* (1980-1982), *Suy nghĩ về bản sắc dân tộc* (1994), khi các phương pháp nghiên cứu theo phương pháp luận Mác xít vẫn được áp dụng khá máy móc, lối tư duy văn học phục vụ các nhiệm vụ chính trị có phần cứng nhắc còn mang tính áp đảo, thì phong cách phê bình, tiểu luận ấy của Huy Cận đã tạo ra được những hiệu ứng tích cực. Cũng cần phải nói thêm, không phải tất cả mọi bài phê bình của Huy Cận đều hay. Nhiều diễn giải tuy đúng nhưng chưa nói đủ, nói trúng những vấn đề được người đọc mong chờ nhất... Dẫu vậy, xét riêng ở địa hạt phê bình, tiểu luận, Huy Cận vẫn là một cái tên sáng giá; điều quan trọng hơn là ông đã để lại cho ta những bài học kinh nghiệm đáng quý. Và dù là đối tượng nào, ở phương diện nào, điểm nổi bật ở Huy Cận luôn là nỗi niềm trăn trở thường trực về cuộc đời, về thân phận con người, về những giá trị lịch sử, văn hóa

dân tộc. Dòng mạch ấy xuyên suốt, thống nhất từ thơ văn đến phê bình nghiên cứu, làm nên nét đặc sắc của một phong cách mang tầm thời đại.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Huy Cận (1936), *Thế Lữ, Huy Thông, Nhược Pháp, Tràng An*, số 108, ngày 24 tháng 3.
- [2] *Huy Cận, tác phẩm chọn lọc* (Nguyễn Đăng Điệp giới thiệu và tuyển chọn), (2009), Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hữu Sơn (Khảo luận, 2017), *Thơ mới, những chuyện chưa bao giờ cũ (Người đương thời Thơ mới bàn về tác gia Thơ mới)*, Nxb. Văn học, Hà Nội.